



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản
Minh Phú**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	6103000072	ngày 12 tháng 5 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh	6103000072 (điều chỉnh lần 1)	ngày 25 tháng 5 năm 2007
	6103000072 (điều chỉnh lần 2)	ngày 12 tháng 11 năm 2007
	2000393273	ngày 23 tháng 6 năm 2010
	2000393273 (điều chỉnh lần 2)	ngày 15 tháng 10 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Văn Quang Bà Chu Thị Bình Ông Chu Văn An Bà Đinh Ánh Tuyết Ông Jean-Eric Jacquemin	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Văn Quang Bà Chu Thị Bình Ông Chu Văn An Ông Thái Hoàng Hùng Ông Nguyễn Tấn Anh Ông Lê Văn Điệp Ông Bùi Anh Dũng Ông Lê Ngọc Anh Bà Lê Thị Dịu Minh	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 3 năm 2015)
Ban kiểm soát	Ông Phan Văn Dũng Ông Nguyễn Xuân Toán Bà Mai Thị Hoàng Minh	Chủ tịch Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Phường 8 Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.



Chức vụ Ban Tổng Giám đốc

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo Kiểm toán số: 13-01-120



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0866-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Vũ Định

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0414-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.410.940.385.110	3.391.228.165.841
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	55.147.726.132	1.147.945.458.697
Tiền	111		12.147.726.132	37.395.936.475
Các khoản tương đương tiền	112		43.000.000.000	1.110.549.522.222
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	989.632.649.411	115.775.517.989
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		998.011.109.411	124.480.117.989
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(8.378.460.000)	(8.704.600.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	1.874.829.687.484	1.053.735.188.145
Phải thu khách hàng	131		1.759.576.040.009	990.304.201.149
Trả trước cho người bán	132		26.007.381.700	20.563.154.185
Các khoản phải thu khác	135		89.246.265.775	46.796.490.307
Dự phòng phải thu khó đòi	139		-	(3.928.657.496)
Hàng tồn kho	140	7	1.429.047.764.057	899.571.113.388
Hàng tồn kho	141		1.447.591.014.203	912.865.922.568
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.543.250.146)	(13.294.809.180)
Tài sản ngắn hạn khác	150		62.282.558.026	174.200.887.622
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		63.834.100	177.199.480
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		58.218.342.600	170.824.838.633
Tài sản ngắn hạn khác	158		4.000.381.326	3.198.849.509

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		1.637.150.174.881	1.717.521.548.852
Tài sản cố định	220		232.473.758.592	226.920.976.347
Tài sản cố định hữu hình	221	8	195.314.464.771	167.656.023.956
<i>Nguyên giá</i>	222		330.265.423.210	277.574.999.473
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(134.950.958.439)	(109.918.975.517)
Tài sản cố định vô hình	227	9	19.185.901.821	19.470.476.718
<i>Nguyên giá</i>	228		24.215.690.203	23.933.190.203
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.029.788.382)	(4.462.713.485)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	17.973.392.000	39.794.475.673
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	1.396.571.307.410	1.487.866.473.342
Đầu tư vào công ty con	251		1.568.962.400.422	1.566.962.400.422
Đầu tư vào công ty liên kết	252		6.080.000.000	2.180.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		7.000.000.000	7.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(185.471.093.012)	(88.275.927.080)
Tài sản dài hạn khác	260		8.105.108.879	2.734.099.163
Chi phí trả trước dài hạn	261		7.768.288.835	2.110.809.896
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	25	336.820.044	623.289.267
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.048.090.559.991	5.108.749.714.693

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.561.785.880.016	3.761.418.700.004
Nợ ngắn hạn	310		4.058.100.783.161	3.759.673.875.999
Vay ngắn hạn	311	12	3.305.918.673.149	3.176.963.800.481
Phải trả người bán	312	13	578.850.716.248	427.291.547.262
Người mua trả tiền trước	313		7.181.916.508	7.190.586.895
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	14	22.414.565.598	11.811.186.512
Phải trả người lao động	315		75.414.216.440	59.910.700.803
Các khoản phải trả khác	319	15	13.794.900.560	16.823.011.480
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	16	54.525.794.658	59.683.042.566
Nợ dài hạn	330		503.685.096.855	1.744.824.005
Vay dài hạn	334	17	500.000.000.000	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	25	2.154.096.653	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	1.531.000.202	1.744.824.005
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.486.304.679.975	1.347.331.014.689
Vốn chủ sở hữu	410	19	1.486.304.679.975	1.347.331.014.689
Vốn cổ phần	411	20	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		177.876.869.236	177.876.869.236
Cổ phiếu quỹ	414	20	(80.162.090.861)	(18.537.405.861)
Quỹ đầu tư và phát triển	416		8.479.997.722	16.520.600.789
Quỹ dự phòng tài chính	418		17.889.263.172	13.769.908.805
Lợi nhuận chưa phân phối	420		662.220.640.706	457.701.041.720
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.048.090.559.991	5.108.749.714.693

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ bao gồm trong tiền:			
USD	28 (d)	49.840	175.422
JPY	28 (d)	463.109	28.304.539

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	01	21	12.601.262.151.574	9.552.451.331.863
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	(152.511.493.873)	(69.046.804.802)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10	21	12.448.750.657.701	9.483.404.527.061
Giá vốn hàng bán	11	22	(11.490.976.087.500)	(8.875.849.174.377)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		957.774.570.201	607.555.352.684
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	443.283.889.001	88.936.188.819
Chi phí tài chính	22	24	(260.598.494.325)	(297.991.576.315)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(108.083.610.123)</i>	<i>(166.285.640.495)</i>
Chi phí bán hàng	24		(312.592.724.370)	(230.873.686.678)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(64.342.188.409)	(63.374.543.088)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		763.525.052.098	104.251.735.422
Thu nhập khác	31		12.342.508.058	5.836.612.347
Chi phí khác	32		(8.811.371.243)	(28.533.557)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		3.531.136.815	5.808.078.790
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		767.056.188.913	110.059.814.212
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	25	(91.211.162.214)	(27.780.758.789)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	25	(2.440.565.876)	108.031.926
Lợi nhuận thuần (60 = 50 + 51 + 52)	60		673.404.460.823	82.387.087.349
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	9.748	1.184

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Quang
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		767.056.188.913	110.059.814.212
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		25.599.057.819	24.071.723.533
Các khoản dự phòng	03		99.049.456.206	59.704.391.238
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(15.695.589.830)	(2.701.925.119)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(403.190.544.684)	(77.884.896.821)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		-	(108.236.000)
Lỗ từ giải thể công ty con	05		-	20.000.000.000
Chi phí lãi vay	06		108.083.610.123	166.285.640.495
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		580.902.178.547	299.426.511.538
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(715.895.694.262)	(611.154.006.842)
Biến động hàng tồn kho	10		(534.725.091.635)	301.642.711.762
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		162.064.287.201	(95.940.991.553)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.815.649.923)	(582.957.689)
			(509.469.970.072)	(106.608.732.784)
Tiền lãi vay đã trả	13		(101.976.837.449)	(182.879.773.214)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(32.202.209.930)	(19.562.836.432)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(30.749.739.052)	(41.011.741.347)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(674.398.756.503)	(350.063.083.777)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(34.880.303.700)	(50.331.679.996)
Tiền gửi có kỳ hạn tại các đơn vị khác	23		(1.048.000.000.000)	(133.862.500.000)
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		167.162.500.000	130.330.000.000
Tiền thu hồi từ việc bán các công cụ vốn của các đơn vị khác	24		-	371.824.000
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(5.900.000.000)	(9.509.811.260)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		384.169.864.778	97.330.844.666
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(537.447.938.922)	34.328.677.410
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền mua lại cổ phiếu quỹ	31		(61.624.685.000)	(18.537.405.861)
Tiền vay nhận được	33		11.283.621.563.609	8.322.292.750.124
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.648.818.735.278)	(7.933.728.076.593)
Tiền trả cổ tức	35		(452.395.909.450)	(168.272.812.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		120.782.233.881	201.754.455.420
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.091.064.461.544)	(113.979.950.947)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.147.945.458.697	1.262.727.092.679
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		(1.733.271.021)	(801.683.035)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	55.147.726.132	1.147.945.458.697

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

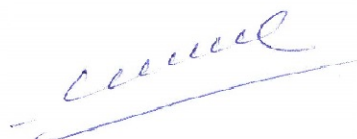
Mẫu B 03 – DN

CÁC HOẠT ĐỘNG PHI TIỀN TỆ

	2014 VND	2013 VND
Cán trừ thuế giá trị gia tăng được hoàn vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	48.386.624.564	806.998.977
Chuyển các khoản đầu tư ngắn hạn sang phải thu khác	7.306.508.578	-
Chuyển phải thu khác sang đầu tư ngắn hạn	-	3.807.117.411
Thu hồi khoản cho vay bằng nguyên liệu	-	439.768.200

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2013, trong cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, các cổ đông của Công ty quyết định về việc Công ty sẽ hủy niêm yết. Việc hủy niêm yết này đã được phê duyệt của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty sẽ chính thức hủy bỏ niêm yết vào ngày 31 tháng 3 năm 2015.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 6.926 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 5.904 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Các báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn. Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con và phát hành riêng các báo cáo này.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư có kỳ hạn và các công cụ nợ, các khoản đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu; và các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 11 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển tôm giống.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian tương ứng dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản liên quan.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm tàng.

(s) Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	481.118.910	26.487.567.807
Tiền gửi ngân hàng	11.666.607.222	10.908.368.668
Các khoản tương đương tiền	43.000.000.000	1.110.549.522.222
	55.147.726.132	1.147.945.458.697

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu				
▪ Công ty Cổ phần vận tải dầu khí	141.800	6.004.500.000	141.800	6.004.500.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 8	112.000	5.263.000.000	112.000	5.263.000.000
▪ Công ty Cổ phần cơ điện lạnh	8	80.000	8	80.000
▪ Công ty cổ phần công nghệ mới Kim Tỵ Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	18.823	272.941.176
▪ Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	125.882	3.270.588.235	125.882	3.270.588.235
		14.811.109.411		14.811.109.411
Đầu tư ngắn hạn khác				
▪ Các khoản cho vay		-		7.306.508.578
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)		983.200.000.000		102.362.500.000
		998.011.109.411		124.480.117.989
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(8.378.460.000)		(8.704.600.000)
		989.632.649.411		115.775.517.989

(*) Khoản này phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,0% đến 8,1% (năm kết thúc 31/12/2013: từ 9,0% đến 11,0%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	8.704.600.000	9.782.280.000
Hoàn nhập	(326.140.000)	(1.077.680.000)
Số dư cuối năm	<u>8.378.460.000</u>	<u>8.704.600.000</u>

Trong tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có 983.200 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 12).

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng bao gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ các công ty con	1.198.969.042.749	561.924.909.883
Phải thu từ các bên thứ ba	560.606.997.260	428.379.291.266
	<u>1.759.576.040.009</u>	<u>990.304.201.149</u>

Các khoản phải thu khách hàng không được đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả trong vòng từ 15 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Trong các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có 1.759.576 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 986.376 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 12).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu công ty con (*)	51.868.990.809	36.109.990.809
Thu nhập lãi tiền gửi phải thu	27.418.300.000	8.397.620.094
Các khoản phải thu khác	9.958.974.966	2.288.879.404
	<u>89.246.265.775</u>	<u>46.796.490.307</u>

(*) Khoản phải thu từ công ty con phản ánh khoản cho công ty con vay hỗ trợ vốn lưu động, không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

7. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi đường	801.717.688	117.807.545.354
Nguyên vật liệu	77.372.454.572	50.731.008.096
Công cụ và dụng cụ	1.076.667.355	980.566.761
Thành phẩm	1.368.340.174.588	743.346.802.357
	<hr/> 1.447.591.014.203	<hr/> 912.865.922.568
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.543.250.146)	(13.294.809.180)
	<hr/> <hr/> 1.429.047.764.057	<hr/> <hr/> 899.571.113.388

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	13.294.809.180	36.505.228.114
Tăng dự phòng trong năm	18.543.250.146	13.294.809.180
Hoàn nhập	(13.294.809.180)	(36.505.228.114)
	<hr/> 18.543.250.146	<hr/> 13.294.809.180

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 1.429.047 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 899.571 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 12).

Trong thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có 324.349 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 339.647 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	93.089.718.740	150.375.102.812	25.782.796.801	8.327.381.120	277.574.999.473
Tăng trong năm	295.520.704	9.308.373.369	7.528.028.436	4.054.494.772	21.186.417.281
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	23.403.202.819	-	8.100.803.637	-	31.504.006.456
Số dư cuối năm	116.788.442.263	159.683.476.181	41.411.628.874	12.381.875.892	330.265.423.210
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	28.468.823.425	66.594.280.927	11.208.386.172	3.647.484.993	109.918.975.517
Khấu hao trong năm	6.415.636.106	13.598.099.122	4.114.759.307	903.488.387	25.031.982.922
Số dư cuối năm	34.884.459.531	80.192.380.049	15.323.145.479	4.550.973.380	134.950.958.439
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	64.620.895.315	83.780.821.885	14.574.410.629	4.679.896.127	167.656.023.956
Số dư cuối năm	81.903.982.732	79.491.096.132	26.088.483.395	7.830.902.512	195.314.464.771

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 41.478 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 32.774 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 81.335 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 93.884 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	22.181.099.585	1.752.090.618	23.933.190.203
Tăng trong năm	-	282.500.000	282.500.000
Số dư cuối năm	22.181.099.585	2.034.590.618	24.215.690.203
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.517.128.668	945.584.817	4.462.713.485
Khấu hao trong năm	318.993.708	248.081.189	567.074.897
Số dư cuối năm	3.836.122.376	1.193.666.006	5.029.788.382
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	18.663.970.917	806.505.801	19.470.476.718
Số dư cuối năm	18.344.977.209	840.924.612	19.185.901.821

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 2.060 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.060 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 2.238 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.001 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	39.794.475.673	6.904.209.436
Tăng trong năm	13.411.386.419	37.788.858.006
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(31.504.006.456)	(1.236.956.369)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(3.661.635.400)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.728.463.636)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	17.973.392.000	39.794.475.673
	<hr/>	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Máy móc	3.497.358.000	23.256.841.673
Phần mềm kế toán	14.476.034.000	11.097.634.000
Phương tiện vận chuyển	-	5.440.000.000
	<hr/>	<hr/>
	17.973.392.000	39.794.475.673
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư vào công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Mseafood	323.162.400.000	323.162.400.000
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	585.000.000.000	585.000.000.000
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	195.000.000.000	195.000.000.000
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	95.000.000.000	95.000.000.000
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	148.650.000.000	148.650.000.000
▪ Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú	29.550.000.000	29.550.000.000
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú - Lộc An	150.000.000.000	150.000.000.000
▪ Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	4.500.000.000	4.500.000.000
▪ Công ty TNHH một thành viên nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền	36.100.000.422	36.100.000.422
▪ Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	2.000.000.000	-
	1.568.962.400.422	1.566.962.400.422
Đầu tư vào công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	2.180.000.000	2.180.000.000
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong	3.900.000.000	-
	6.080.000.000	2.180.000.000
Đầu tư dài hạn khác		
▪ Công ty Cổ phần hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	7.000.000.000	7.000.000.000
	1.582.042.400.422	1.576.142.400.422
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(185.471.093.012)	(88.275.927.080)
	1.396.571.307.410	1.487.866.473.342

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	88.275.927.080	111.246.470
Tăng dự phòng trong năm	103.147.449.934	88.164.680.610
Hoàn nhập	(5.952.284.002)	-
Số dư cuối năm	185.471.093.012	88.275.927.080

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2014	31/12/2013
Công ty con Công ty Cổ phần Mseafood	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	2370515 do Bang California, Hoa Kỳ cấp ngày 27 tháng 12 năm 2001.	90,0%	90,0%
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.	642041000003 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 18 tháng 11 năm 2013.	67,5%	67,5%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	6102000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 19 tháng 9 năm 2000.	97,5%	97,5%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tên công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2014	31/12/2013
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	6102000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 30 tháng 10 năm 2001.	95,0%	95,0%
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	56-02-000417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 1 năm 2006.	99,1%	99,1%
Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.	4302000139 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 9 tháng 2 năm 2006.	98,5%	98,5%
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú - Lộc An	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 11 tháng 11 năm 2010.	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú	Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.	6104000049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 7 năm 2008.	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền (*)	Sản xuất giống thủy sản; nuôi trồng, chế biến và bảo quản thủy hải sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, mua bán máy móc và thiết bị nông nghiệp; mua bán thức ăn và nguyên liệu gia súc, gia cầm và thủy sản.	1701635962 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22 tháng 12 năm 2011.	100%	100%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tên công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2014	31/12/2013
Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú (**)	Sản xuất giống thủy sản; nuôi trồng, chế biến và bảo quản thủy hải sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	6300249616 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 26 tháng 6 năm 2014.	100%	-
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	Xây dựng cảng container và cảng vận chuyển hàng hóa, nhà kho, cảng biển xăng, khí đốt và dầu; kinh doanh xăng, dầu, khí đốt, nguyên vật liệu và máy móc phục vụ sản xuất.	6300108975 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 24 tháng 2 năm 2010.	40%	40%
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong	Tư vấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản; nuôi trồng, chế biến và bảo quản thủy hải sản; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; xây dựng nhà cửa và công trình dân dụng; và công trình xây dựng khác; kinh doanh hải sản và cho thuê máy móc, thiết bị và tài sản hữu hình khác.	0312398643 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 5 năm 2014.	49%	-

(*) Tại ngày 1 tháng 11 năm 2014, Hội đồng Quản trị đã thông qua Quyết định số 06/BB.HDQT.2014 về việc giải thể Công ty TNHH Một thành viên Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hòa Điền. Công ty TNHH Một thành viên Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hòa Điền đang trong quá trình giải thể.

(**) Tại ngày 26 tháng 6 năm 2014, Hội đồng Quản trị đã thông qua Quyết định số 03/HDQT.MPC.14 về việc thành lập Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú với vốn pháp định là 2 tỷ VND. Tại ngày báo cáo, Công ty đã thực hiện góp vốn đầy đủ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

12. Vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 1	VND	2,4% - 2,6%	1.814.507.930.212	857.580.903.298
Khoản vay 2	JPY	2,8% - 3,0%	28.829.670.190	-
Khoản vay 3	USD	6,5% - 7,0%	-	1.316.490.920.363
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 4	USD	2,4% - 2,6%	569.967.688.220	48.850.334.350
Khoản vay 5	VND	6,5% - 7,0%	-	251.303.572.295
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)				
Khoản vay 6	USD	6,5% - 7,0%	-	111.533.287.940
Khoản vay 7	VND	6,0%	-	57.186.434.252
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh				
Khoản vay 8	USD	2,4% - 2,6%	892.613.384.527	105.742.923.868
Khoản vay 9	VND	6,5%	-	350.295.288.267
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam				
Khoản vay 10	VND	6,5%	-	77.980.135.848
			3.305.918.673.149	3.176.963.800.481

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 5)	983.200.000.000	-
Phải thu khách hàng (Thuyết minh 6)	1.759.576.040.009	986.375.543.653
Hàng tồn kho (Thuyết minh 7)	1.429.047.764.057	899.571.113.388
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 8)	81.334.653.774	93.883.839.192
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 9)	2.238.472.635	1.000.777.859
4.255.396.930.475		
1.980.831.274.092		

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Phải trả người bán

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả các công ty con	519.732.377.502	184.730.017.378
Phải trả các bên thứ ba	59.118.338.746	242.561.529.884
	<hr/>	<hr/>
	578.850.716.248	427.291.547.262
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả các công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và hoàn trả khi có yêu cầu.

14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.614.571.142	10.992.243.422
Thuế thu nhập cá nhân	799.994.456	818.943.090
	<hr/>	<hr/>
	22.414.565.598	11.811.186.512
	<hr/>	<hr/>

15. Các khoản phải trả khác

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Cổ tức phải trả	2.619.368.300	6.727.187.750
Lãi vay phải trả	6.106.772.674	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	77.900.560	1.576.154.677
Tiền nhận ký quỹ ngắn hạn	2.500.000.000	7.000.000.000
Hoa hồng phải trả	392.099.083	392.098.154
Phải trả khác	2.098.759.943	1.127.570.899
	<hr/>	<hr/>
	13.794.900.560	16.823.011.480
	<hr/>	<hr/>

16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách thưởng và phúc lợi của Công ty và phí Hội đồng Quản trị theo quyết định của các cổ đông trong cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	59.683.042.566	74.330.747.641
Trích lập quỹ	8.238.708.735	-
Sử dụng quỹ	(13.395.956.643)	(14.647.705.075)
Số dư cuối năm	54.525.794.658	59.683.042.566

17. Vay dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn đã phát hành	500.000.000.000	-

Điều kiện và điều khoản của trái phiếu doanh nghiệp dài hạn như sau:

Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi Lô VND	9,65%	2017	500.000.000.000	-

Trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1 tỷ VND được phát hành vào ngày 17 tháng 9 năm 2014 là trái phiếu không được đảm bảo và không chuyển đổi. Trái phiếu doanh nghiệp chịu lãi suất 9,65% trong năm đầu tiên; từ năm thứ hai, lãi suất được tính dựa vào lãi suất tiền gửi bình quân tại bốn ngân hàng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam) cộng 2,65%. Trái phiếu sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 25 tháng 9 năm 2017.

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	1.744.824.005	2.061.029.364
Trích lập dự phòng trong năm	860.646.804	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.074.470.607)	(316.205.359)
Số dư cuối năm	1.531.000.202	1.744.824.005

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	700.000.000.000	177.876.869.236	-	42.568.431.702	13.769.908.805	375.313.954.371	1.309.529.164.114
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	82.387.087.349	82.387.087.349
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(18.537.405.861)	-	-	-	(18.537.405.861)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(26.047.830.913)	-	-	(26.047.830.913)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	700.000.000.000	177.876.869.236	(18.537.405.861)	16.520.600.789	13.769.908.805	457.701.041.720	1.347.331.014.689
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	673.404.460.823	673.404.460.823
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(61.624.685.000)	-	-	-	(61.624.685.000)
Phân bổ vào vốn chủ sở hữu	-	-	-	8.238.708.735	4.119.354.367	(12.358.063.102)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.238.708.735)	(8.238.708.735)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	(448.288.090.000)	(448.288.090.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(16.279.311.802)	-	-	(16.279.311.802)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	8.479.997.722	17.889.263.172	662.220.640.706	1.486.304.679.975

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(1.537.150)	(80.162.090.861)	(630.560)	(18.537.405.861)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	68.462.850	619.837.909.139	69.369.440	681.462.594.139

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2014		2013	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	69.369.440	681.462.594.139	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	(906.590)	(61.624.685.000)	(630.560)	(18.537.405.861)
Số dư cuối năm	68.462.850	619.837.909.139	69.369.440	681.462.594.139

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

21. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	12.547.337.577.436	9.488.296.232.958
▪ Hàng hóa đã bán	30.752.069.332	42.019.527.857
▪ Nguyên vật liệu đã bán	5.933.447.083	3.551.437.408
▪ Phế liệu đã bán	17.239.057.723	18.584.133.640
	<hr/> 12.601.262.151.574	<hr/> 9.552.451.331.863
Các khoản giảm trừ		
▪ Giảm giá hàng bán	(944.163.282)	(584.201.733)
▪ Hàng bán bị trả lại	(151.567.330.591)	(68.462.603.069)
	<hr/> (152.511.493.873)	<hr/> (69.046.804.802)
Doanh thu thuần	<hr/> 12.448.750.657.701	<hr/> 9.483.404.527.061

22. Giá vốn hàng bán

	2014 VND	2013 VND
Thành phẩm đã bán	11.448.033.702.034	8.856.951.600.703
Hàng hóa đã bán	29.774.868.861	39.231.826.841
Nguyên vật liệu đã bán	7.919.075.639	2.876.165.767
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.248.440.966	(23.210.418.934)
	<hr/> 11.490.976.087.500	<hr/> 8.875.849.174.377

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	42.193.033.810	77.884.896.821
Cổ tức	360.997.510.874	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.397.754.487	7.879.862.036
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.695.589.830	2.701.925.119
Thu từ bán các khoản đầu tư	-	371.824.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	97.680.843
	<hr/> 443.283.889.001	<hr/> 88.936.188.819

24. Chi phí tài chính

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	108.083.610.123	166.285.640.495
Dự phòng giảm giá đầu tư	97.195.165.932	88.164.680.610
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.824.965.452	22.357.826.548
Lỗ từ giải thể công ty con	-	20.000.000.000
Lỗ từ các hoạt động đầu tư	-	263.588.000
Chi phí tài chính khác	12.494.752.818	919.840.662
	<hr/> 260.598.494.325	<hr/> 297.991.576.315

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Tài sản/(phải trả) thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên các khoản mục sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	209.560.767
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336.820.044	413.728.500
	<hr/>	<hr/>
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	336.820.044	623.289.267
	<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(2.154.096.653)	-
	<hr/>	<hr/>
Tài sản/(phải trả) thuế thu nhập hoãn lại thuần	(1.817.276.609)	623.289.267
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	88.752.901.645	27.780.758.789
Dự phòng thừa trong những năm trước	2.458.260.569	-
	<hr/>	<hr/>
	91.211.162.214	27.780.758.789
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	2.440.565.876	(108.031.926)
	<hr/>	<hr/>
	93.651.728.090	27.672.726.863
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	767.056.188.913	110.059.814.212
Thuế theo thuế suất của Công ty	168.752.361.561	27.514.953.553
Chi phí không được khấu trừ	1.860.558.352	157.773.310
Thu nhập không chịu thuế	(79.419.452.392)	-
Dự phòng thừa trong năm trước	2.458.260.569	-
Chi phí thuế thu nhập	93.651.728.090	27.672.726.863

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 dựa trên lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	673.404.460.823	82.387.087.349

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

	2014	2013
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	69.369.440	70.000.000
Ảnh hưởng của mua lại cổ phiếu quỹ trong năm	(289.234)	(405.963)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm đầu năm và cuối năm	69.080.206	69.594.037

27. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 19 tháng 4 năm 2014 và ngày 30 tháng 8 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 6.500 cổ phiếu (2013: không) tương đương 448.228 triệu VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

28. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty gặp phải do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác và các tài sản dài hạn khác.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	54.666.607.222	1.121.457.890.890
Tiền gửi có kỳ hạn	(ii)	983.200.000.000	102.362.500.000
Các khoản cho vay		-	7.306.508.578
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	1.848.822.305.784	1.033.172.033.960
		2.886.688.913.006	2.264.298.933.428

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Tình trạng rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu bị ảnh hưởng bởi các đặc điểm riêng của từng khách hàng. Để kiểm soát các rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng bằng cách mỗi khách hàng mới đều được phân tích riêng biệt về khả năng tín dụng trước khi đề xuất các điều khoản và điều kiện hợp đồng liên quan đến thanh toán và bàn giao hàng hóa. Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu đảm bảo của khách hàng cho mỗi đơn đặt hàng, thông thường dưới hình thức trả trước hoặc mở tín dụng thư. Các khoản phải thu được yêu cầu thanh toán trong vòng 15 đến 90 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn. Khách hàng có số dư nợ trên 90 ngày sẽ được yêu cầu thanh toán trước khi được phép mua thêm.

Dựa trên các tỷ lệ nợ xấu trước đây, Công ty tin rằng ngoài khoản dự phòng phải thu khó đòi đã lập, không cần lập bổ sung dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Dưới đây là bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu:

	31/12/2014 VND	31/12/2014 VND
Trong hạn	1.831.601.203.623	1.021.715.374.467
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	10.953.123.901	7.050.777.613
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	3.541.981.000	1.868.804.970
Quá hạn trên 180 ngày	2.725.997.260	6.465.734.406
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	1.848.822.305.784	1.037.100.691.456

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	3.928.657.496	8.100.847.934
Hoàn nhập	(3.928.657.496)	(4.172.190.438)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Số dư cuối năm	-	3.928.657.496

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014					
Vay ngắn hạn	3.305.918.673.149	3.328.285.192.581	3.328.285.192.581	-	-
Phải trả người bán	578.850.716.248	578.850.716.248	578.850.716.248	-	-
Phải trả người lao động	75.414.216.440	75.414.216.440	75.414.216.440	-	-
Các khoản phải trả khác	13.794.900.560	13.794.900.560	13.794.900.560	-	-
Trái phiếu dài hạn	500.000.000.000	566.544.817.417	22.979.093.050	23.042.049.469	520.523.674.898
	4.473.978.506.397	4.562.889.843.246	4.019.324.118.879	23.042.049.469	520.523.674.898
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Vay ngắn hạn	3.176.963.800.481	3.225.773.858.229	3.225.773.858.229	-	-
Phải trả người bán	427.291.547.262	427.291.547.262	427.291.547.262	-	-
Phải trả người lao động	59.910.700.803	59.910.700.803	59.910.700.803	-	-
Các khoản phải trả khác	16.823.011.480	16.823.011.480	16.823.011.480	-	-
	3.680.989.060.026	3.729.799.117.774	3.729.799.117.774	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Công ty chịu rủi ro hối đoái đối với các giao dịch bán hàng và đi vay bằng đơn vị tiền tệ khác VND.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Công ty có các khoản (nợ phải trả)/tài sản thuần bằng ngoại tệ như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
	USD	JPY	USD	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.840	463.109	175.422	28.304.539
Phải thu khách hàng	59.758.590	38.012.360	31.058.449	46.873.726
Vay ngắn hạn	(153.278.251)	(161.059.610)	(53.231.049)	-
Phải trả người bán	(25.000)	-	(165.013)	-
	(93.494.821)	(122.584.141)	(22.162.191)	75.178.265

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
1 USD	21.380	21.110
1 JPY	179	200

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
USD (mạnh thêm 1%)	(15.591.570.329)
JPY (yếu đi 11%)	1.882.671.754
	<hr/>
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
USD (mạnh thêm 1%)	(3.508.828.890)
JPY (yếu đi 19%)	(2.142.580.553)
	<hr/>

Biến động ngược lại của tỉ giá trên có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty.

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, 500.000 triệu VND (31/12/2013: không) khoản vay của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Công ty sử dụng công cụ hoán đổi lãi suất nhằm hạn chế biến động lãi suất, do đó giảm các ảnh hưởng của rủi ro lãi suất.

Tại ngày báo cáo các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	43.000.000.000	1.110.549.522.222
Tiền gửi có kỳ hạn	983.200.000.000	102.362.500.000
Các khoản vay ngắn hạn	(3.305.918.673.149)	(3.176.963.800.481)
	<hr/>	<hr/>
	(2.279.718.673.149)	(1.964.051.778.259)
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	11.666.607.222	10.908.368.668
Trái phiếu dài hạn	(500.000.000.000)	-
	<hr/>	<hr/>
	(488.333.392.778)	10.908.368.668
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Nếu lãi suất thị trường thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 3.809 triệu VND lợi nhuận thuần Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 82 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các cam kết hoán đổi tỷ giá hối đoái như sau:

Hợp đồng	Trái phiếu dài hạn VND	Giá trị danh nghĩa USD	Lãi suất theo USD phải thanh toán	Lãi suất theo VND nhận được
Lãi suất hoán đổi	500.000.000.000	23.557.126	4,5% trong năm đầu tiên. Từ năm thứ hai, lãi suất được xác định dựa vào lãi suất tiền gửi bình quân tại bốn ngân hàng cộng 4,25%.	9,65% trong năm đầu tiên. Từ năm thứ hai, lãi suất được xác định dựa vào lãi suất tiền gửi bình quân tại bốn ngân hàng cộng 2,65%.

(iii) Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Tổng Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Tổng Giám đốc. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong hai năm vừa qua.

Đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn niêm yết, nếu giá chứng khoán tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận thuần sau thuế trước hợp nhất của Công ty sẽ cao/thấp hơn 1.155.266.534 VND tương ứng với xu hướng thay đổi của giá (31/12/2013: 1.110.833.206 VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	54.666.607.222	54.666.607.222	1.121.457.890.890	1.121.457.890.890
▪ Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.848.822.305.784	(*)	1.033.172.033.960	(*)
▪ Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	983.200.000.000	983.200.000.000	109.669.008.578	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
▪ Các khoản đầu tư ngắn hạn	14.811.109.411	8.479.755.935	14.811.109.411	6.167.888.170
▪ Các khoản đầu tư dài hạn	1.396.571.307.410	(*)	1.487.866.473.342	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Phải trả người bán và phải trả khác	(592.645.616.808)	(*)	(444.114.558.742)	(*)
▪ Các khoản vay	(3.805.918.673.149)	(*)	(3.176.963.800.481)	(*)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền và ký quỹ ngắn hạn

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính này xấp xỉ giá trị hợp lý do các công cụ này có thời gian đáo hạn ngắn.

Các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu ngắn hạn

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

	2014	2013
	VND	VND
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý		
Mua thành phẩm	1.121.599.226	9.504.892.943
Bán thành phẩm	233.972.450.095	695.353.453.081
Thuê văn phòng	330.000.000	330.000.000
Phí thuê nhà xưởng	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát		
Mua thành phẩm	5.203.488.935	1.857.220.339
Bán thành phẩm	72.625.215.743	131.282.507.482
Thuê văn phòng	80.000.000	80.000.000
Phí thuê nhà xưởng	19.800.000.000	19.800.000.000
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang		
Mua nguyên vật liệu	3.291.670.556	6.373.453.771
Mua thành phẩm	3.185.060.580.083	2.624.831.873.190
Bán nguyên vật liệu	3.692.534.314	1.322.980.737
Bán thành phẩm	1.959.845.706.311	1.211.504.618.780
Doanh thu cho thuê	1.600.000.000	-
Phí gia công	32.648.866	1.606.597.457
Thuê kho	2.866.443.159	3.745.851.421
Cổ tức	356.661.150.777	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	2014 VND	2013 VND
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang		
Mua nguyên vật liệu	11.463.476.150	73.454.982.440
Bán hàng hóa	19.647.967.625	26.632.597.270
Cổ tức		-
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú - Lộc An		
Mua nguyên vật liệu	-	1.116.390.745
Bán nguyên vật liệu	6.919.308.250	7.003.184.762
Tiền thu bồi thường	7.330.000	80.580.952
Góp vốn		-
Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú		
Mua nguyên vật liệu	-	175.829.768
Công ty Cổ phần Mseafood		
Bán thành phẩm	3.460.282.609.904	2.137.519.346.542
Hàng hóa trả lại	73.744.746.190	-
Thu từ bồi thường	1.744.704.340	-
Công ty TNHH một thành viên nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền		
Mua nguyên vật liệu	5.477.828.900	23.534.832.480
Bán hàng hóa	3.839.541.075	7.092.125.730
Góp vốn	-	9.509.811.260
Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú		
Cung cấp dịch vụ	10.069.692.000	-
Thu từ cho thuê	45.000.000	-
Góp vốn	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong		
Mua máy móc	2.225.696.649	-
Góp vốn	3.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng		
Thuê văn phòng	2.215.143.900	2.215.143.900

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Lương thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt như sau:

	2014 VND	2013 VND
Lương thưởng và phụ cấp	11.829.333.116	6.310.006.832

30. Cam kết

(a) Mua sắm tài sản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	5.216.744.104	14.443.418.999

(b) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	43.112.930.000	39.369.720.427
Từ hai đến năm năm	11.032.080.000	-
	54.145.010.000	39.369.720.427

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	12.528.267.521.868	8.380.266.273.746
Chi phí nhân công	518.740.800.879	379.621.161.674
Chi phí khấu hao và phân bổ	25.599.057.819	24.071.723.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	308.340.405.122	214.327.701.693
Chi phí khác	409.249.337.173	171.810.543.497

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc